

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC - TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH



ĐỀ CƯƠNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN
(Dành cho bậc Đại học)

HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH TIỀN TỆ-HP1
Số tín chỉ: 3
Bộ môn: Ngân hàng
Khoa: Tài chính ngân hàng

Hưng Yên, năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTCQTKD ngày/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Tài chính tiền tệ -HP1
- Tên tiếng Anh: Monetary finance 1
- Mã học phần: 001330
- Số tín chỉ: 03, Số tín chỉ lý thuyết: 03 Số tín chỉ thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
- Môn học song hành: Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế học vi mô.

2. Đối tượng áp dụng:

- Môn học bắt buộc cho ngành: Tài chính- ngân hàng, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kiểm toán, Hệ thống thông tin quản lý, Kinh doanh quốc tế.
- Môn học tự chọn cho ngành: không có
- Trình độ: Đại học.
- Hệ đào tạo: Chính quy.

3. Nội dung tóm tắt của học phần:

Học phần tập trung vào việc trình bày những nội dung cơ bản về tài chính, tiền tệ như: bản chất, chức năng của tài chính và tiền tệ; các chế độ lưu thông tiền tệ; cung cầu tiền tệ; lạm phát, giảm phát và ổn định tiền tệ; hệ thống tài chính, chính sách tài chính, tín dụng và lãi suất tín dụng. Trên cơ sở những vấn đề chung về tài chính và tiền tệ, học phần trình bày những nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính, tiền tệ liên quan đến các chủ thể khác nhau như: tài chính công, tài chính doanh nghiệp, các tổ chức tài chính trung gian.

Học phần đi sâu vào việc trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính và tiền tệ, những vấn đề có tính nguyên tắc và quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước về công tác tài chính tiền tệ trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam. Các vấn đề mang tính kỹ thuật, nghiệp vụ của hoạt động tài chính tiền tệ sẽ được trình bày trong các học phần mang tính chuyên sâu.

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- Kiến thức cơ bản về tiền tệ, tài chính và những nội dung chủ yếu của các hoạt động tài chính, tiền tệ trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế quốc dân.
- Trang bị cho sinh viên những nhận thức đúng đắn về vị trí và vai trò của công cụ tài chính, tiền tệ đối với các hoạt động kinh tế xã hội. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị nhận thức về tư tưởng, quan điểm của Đảng và Nhà nước về hoạt động tài chính tiền tệ trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam.

4.2. Kỹ năng:

- Có khả năng lập luận, tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề nảy sinh, nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ
- Phân tích, đánh giá về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, chính sách tài chính, quyết định tài chính doanh nghiệp.

- Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình

4.3. Thái độ:

- Tự giác và nghiêm túc trong học tập.

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng và giờ thảo luận trên lớp, nghiên cứu các tài liệu học tập mà giảng viên giới thiệu.

- Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, giữ vững được kỷ luật tài chính.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| STT | Mã CDR | Nội dung chuẩn đầu ra | CDR của CTĐT |
|---------------------|--------|---|---|
| <i>Về kiến thức</i> | | | |
| 1 | CDR1 | Nắm được kiến thức cơ bản về lịch sử ra đời và phát triển của tiền tệ, các chế độ lưu thông tiền tệ, lý giải được nguyên nhân và hậu quả của lạm phát dưới góc độ tiền tệ. | Ngành TC-NH, Ngành kế toán, Ngành kiểm toán, Ngành kinh tế, Ngành quản trị kinh doanh, Ngành HTTTQL, Ngành kinh doanh quốc tế(4) |
| 2 | CDR2 | Hiểu rõ kiến thức cơ bản về vấn đề tài chính, hệ thống tài chính và 2 chính sách tài chính quan trọng trong nền kinh tế là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. | Ngành TC-NH, Ngành kế toán, Ngành kiểm toán, Ngành kinh tế, Ngành quản trị kinh doanh, Ngành HTTTQL, Ngành kinh doanh quốc tế (4) |
| 3 | CDR3 | Nắm vững các kiến thức cơ bản về tín dụng và các loại lãi suất tín dụng. Vận dụng được kiến thức đã học để lý giải các hoạt động tín dụng và chính sách liên quan đến lãi suất trong thực tiễn tại Việt Nam. | Ngành TC-NH, Ngành kế toán, Ngành kiểm toán, Ngành kinh tế, Ngành quản trị kinh doanh, Ngành HTTTQL, Ngành kinh doanh quốc tế (4) |
| 4 | CDR4 | Nắm được nội dung cơ bản của tài chính công và ngân sách nhà nước, các khoản thu, chi NSNN. Nguyên nhân và tình trạng bội chi NSNN. Các quỹ tài chính công ngoài NSNN. Vận dụng kiến thức để luận giải về vấn đề bội chi NSNN tại Việt Nam. | Ngành TC-NH, Ngành kế toán, Ngành kiểm toán, Ngành kinh tế, Ngành quản trị kinh doanh, Ngành HTTTQL, Ngành kinh doanh quốc tế (4) |
| 5 | CDR5 | Hiểu về nguồn vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Các quyết định tài chính | Ngành TC-NH, Ngành kế toán, Ngành kiểm toán, Ngành kinh tế, |

| | | | |
|---|-------|--|--|
| | | của DN và các yếu tố ảnh hưởng việc ra quyết định tài chính của DN. | Ngành quản trị kinh doanh, Ngành HTTTQL, Ngành kinh doanh quốc tế (4) |
| 6 | CĐR6 | Hiểu được hoạt động của một số tổ chức tài chính trung gian trong nền kinh tế như Ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính... | Ngành TC-NH, Ngành kế toán, Ngành kiểm toán, Ngành kinh tế, Ngành quản trị kinh doanh, Ngành HTTTQL, Ngành kinh doanh quốc tế (4) |
| Về kỹ năng | | | |
| 7 | CĐR7 | Có khả năng lập luận, tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề nảy sinh, nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ | Ngành TC-NH(10), Ngành kế toán (14); Ngành kiểm toán (13); Ngành kinh tế; Ngành quản trị kinh doanh; Ngành HTTTQL (9); Ngành kinh doanh quốc tế (10) |
| 8 | CĐR8 | Phân tích, đánh giá về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, chính sách tài chính, quyết định tài chính doanh nghiệp. | Ngành TC-NH (11), Ngành kế toán (16); Ngành kiểm toán (15); Ngành kinh tế; Ngành quản trị kinh doanh (11); Ngành kinh doanh quốc tế (10); Ngành HTTTQL(9) |
| 9 | CĐR9 | Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình | NgànhTC-NH(16), (17); Ngành kế toán (18), (19); Ngành kiểm toán; Ngành HTTTQL (17), (18); Ngành kinh tế; Ngành quản trị kinh doanh (14), (15); Ngành kinh doanh quốc tế (16), (17) |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm (thái độ) | | | |
| 10 | CĐR10 | Nghiêm túc chấp hành nội quy giảng đường | Ngành TC-NH(20); Ngành Kế toán (22); Ngành kiểm toán; |

| | | | |
|----|-------|--|---|
| | | | Ngành HTTTQL (21); Ngành kinh tế (18); Ngành quản trị kinh doanh (18); Ngành kinh doanh quốc tế (20) |
| 11 | CĐR11 | Chủ động, tích cực tham gia hoạt động nhóm, tìm tòi tài liệu học tập | Ngành TC-NH (21), (22); Ngành Kế toán (23), (24); Ngành kiểm toán; Ngành HTTTQL (22), (23); Ngành kinh tế; Ngành quản trị kinh doanh (19),(20); Ngành kinh doanh quốc tế (21), (22) |
| 12 | CĐR12 | Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, giữ vững được kỷ luật tài chính. | Ngành TC-NH(23); Ngành Kế toán (25); Ngành kiểm toán, Ngành HTTTQL(24); Ngành kinh tế; Ngành quản trị kinh doanh (21); Ngành kinh doanh quốc tế (23) |

6. Phương pháp và phương tiện giảng dạy:

6.1. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, phát vấn, đối thoại, thảo luận nhóm.

6.2. Phương tiện giảng dạy:

Máy chiếu, máy tính, phần, bảng, internet. . .

7. Thang điểm đánh giá:

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Quản lý đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp và nội dung đánh giá

(Theo Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 14/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh).

| Loại hình | Nội dung đánh giá | Mô tả cách thực hiện | CĐR | Trọng số |
|-----------------|---|---|---------------|----------|
| Điểm chuyên cần | Nhận thức, thái độ tham gia lớp học, thực hiện việc thuyết trình về chủ đề học tập được phân công | - Sinh viên đi học đầy đủ: Từ 9 đến 10 điểm - Sinh viên vắng | CĐR10, 11, 12 | 10% |

| | | | | | |
|---------------------------|-----|---------------------------|--|------------------------------------|-------------|
| | | | <p>từ 20% trở xuống: Từ 5 đến 8 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên vắng trên 20%: không được thi, không chấm điểm - Cộng 1-2 điểm vào điểm chuyên cần đối với sinh viên thực hiện việc thuyết trình tốt . <p>Giảng viên kết hợp với thái độ học tập của sinh viên để cho theo khung ở trên</p> | | |
| Đánh giá quá trình | (1) | Làm bài kiểm tra số 1 | Kiểm tra tự luận, giải thích vấn đề, lập luận và phân tích một số nội dung đã học, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thuyết trình. | CDR1, 2, 3, 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12 | 20% |
| | (2) | Làm bài kiểm tra số 2 | Kiểm tra tự luận, giải thích vấn đề, lập luận và phân tích một số nội dung đã học, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thuyết trình | CDR 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 | |
| | (3) | Làm bài kiểm tra số 3 | Kiểm tra tự luận, giải thích vấn đề, lập luận và phân tích một số nội dung đã học, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thuyết trình | CDR từ 1 đến 12 | |
| Điểm thi cuối kỳ | | Toàn bộ nội dung học phần | Thi trắc nghiệm theo bộ đề | CDR từ 1 đến 12 | 70% |
| | | | | Tổng: | 100% |

9. Tài liệu học tập và tham khảo:

9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: Đề cương bài giảng môn học Tài chính tiền tệ-HP1- Trường ĐH Tài chính - quản trị kinh doanh.

9.2. Tài liệu tham khảo:

(1) PGS.TS Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2011), *Giáo trình Tài Chính Tiền Tệ*, NXB Học Viện Tài Chính

(2) TS. Tô Kim Ngọc (2012), *Giáo trình Tiền tệ - Ngân hàng*, NXB dân trí.

(3) Các website: www.sbv.gov.vn, www.mof.gov.vn, www.vanban.chinhphu.vn....

(4) Luật ngân sách nhà nước năm 2015

(5) Luật doanh nghiệp năm 2014

(6) Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

10. Thông tin giảng viên giảng dạy:

10.1. Giảng viên 1:

- Họ tên: Nguyễn Thị Liên

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Số điện thoại: 0983024676 Email: Nguyentlien76@gmail.com

10.2. Giảng viên 2:

- Họ tên: Vũ Văn Hoàng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0986336000 Email: vuhoang7683@gmail.com

10.3. Giảng viên 3:

- Họ tên: Phạm Hồng Hạnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0389746368 Email: hanhph.vlet@gmail.com

10.4. Giảng viên 4:

- Họ tên: Nguyễn Thị Thu Hà

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0936436268 Email: thuha_nguyen1968@yahoo.com.vn

10.5. Giảng viên 5:

- Họ tên: Nguyễn Văn Thế

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0963201603 Email: vanthenhbh@gmail.com

10.6. Giảng viên 6:

- Họ tên: Nguyễn Hữu Quý

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0986459333 Email: Huuquy.ufba@gmail.com

10.7. Giảng viên 7:

- Họ tên: Luyện Thùy Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0902178941 Email: luyenthuydung@gmail.com

10.8. Giảng viên 8:

- Họ tên: Trần Thị Thanh Vân

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0389942196 Email: vantran24119007@gmail.com

10.9. Giảng viên 9:

- Họ tên: Đỗ Thị Hoan

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Số điện thoại: 0972404072 Email: Cdcnhy.tchoan@gmail.com

11. Nội dung và phân bổ thời gian:

| Nội dung | Phân bổ thời gian | | | | Tổng cộng |
|---|-------------------|----------|--------------------|-----------------------|------------|
| | Lý thuyết | Kiểm tra | Bài tập, thảo luận | Tự học, tự nghiên cứu | |
| Chương 1: Tổng quan về tài chính và tiền tệ | 11 | 0 | 1 | 24 | 36 |
| Chương 2: Tín dụng và lãi suất tín dụng | 7 | 1 | 1 | 18 | 27 |
| Chương 3: Tài chính công | 8 | 1 | 0 | 18 | 27 |
| Chương 4: Tài chính doanh nghiệp | 5 | 0 | 1 | 12 | 18 |
| Chương 5: Các tổ chức tài chính trung gian | 7 | 1 | 0 | 18 | 27 |
| Tổng cộng | 38 | 3 | 3 | 90 | 135 |

12. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể:

Chương 1: Tổng quan về tài chính và tiền tệ

Tuần 1

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|---|---|---------------------------|
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 1. Những vấn đề cơ bản về tiền tệ 1.1. Sự ra đời, phát triển và các định nghĩa về tiền tệ 1.2. Các chức năng của tiền tệ 1.3. Các khối tiền tệ 1.4. Cung và cầu tiền tệ 1.5. Các chế độ lưu thông tiền tệ | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 01-18</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2) | CĐR1, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | 1.5 Các chế độ lưu thông tiền tệ | 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2) | CĐR1, 11 |
| Tuần 2 | | | | |

| | | | | |
|-------------------------|---|---|--|------------------------------------|
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 1.6. Lạm phát, giảm phát và ổn định lưu thông tiền tệ | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 23-32</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2) | CĐR1, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | 1.6. Lạm phát, giảm phát và ổn định lưu thông tiền tệ - 1.6.3. Những giải pháp chiến lược ổn định tiền tệ | 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2), (3) | CĐR1, 11 |
| Tuần 3 | | | | |
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 2. Những vấn đề cơ bản về tài chính 2.1. Tài chính và chức năng của Tài chính 2.2. Hệ thống Tài chính * Thảo luận | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 33-52</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2), (3) | CĐR2, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | 2.2.4. Chức năng của hệ thống tài chính | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 47-52</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2) | CĐR2, 11 |
| Tuần 4 | | | | |
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 3. Chính sách tài chính 3.1. Khái niệm và phân loại CSTC 3.2. Chính sách tài khoá 3.3. Chính sách tiền tệ. | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 53-58</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2), (3) | CĐR2, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | - Tìm hiểu CSTK, CSTT của Việt Nam trong những năm gần đây | | CĐR2, 11 |

Chương 2: Tín dụng và lãi suất tín dụng
Tuần 5

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|----------------------------------|----------------|---|--|------------------------------------|
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 1. Tín dụng 1.1. Sự ra đời và phát triển của tín dụng 1.2. Bản chất và đặc điểm của tín dụng 1.3. Phân loại tín dụng 1.4. Vai trò của tín dụng | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 64-70</i> | CĐR3, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | 1.5. Chức năng của tín dụng | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 68-71</i> | CĐR3, 11 |
| Tuần 6 | | | | |
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 1.6. Các hình thức tín dụng 1.6.1. Tín dụng thương mại 1.6.2. Tín dụng ngân hàng 1.6.3. Tín dụng nhà nước * Thảo luận * Kiểm tra thường xuyên bài số 1 | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 72-80</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2), (3) | CĐR3, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | - Ôn lại kiến thức cũ - Tìm hiểu về hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam hiện nay | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 32-33</i> | CĐR3, 11 |
| Tuần 7 | | | | |
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 2. Lãi suất tín dụng 2.1. Định nghĩa lãi suất tín dụng 2.2. Các loại lãi suất tín dụng 2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng 2.4. Ý nghĩa của lãi suất tín dụng | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 80-85</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2), (3) | CĐR3, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |

| | | | | |
|--------------------------------|---|----------------------------------|--|-------------|
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | 2.5 Chính sách lãi suất tín dụng | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 85-88</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2), (3) | CĐR3, 11 |
|--------------------------------|---|----------------------------------|--|-------------|

Chương 3: Tài chính công
Tuần 8

| Hình thức tổ chức đạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|------------------------------------|------------|---|--|------------------------------------|
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 1. Tổng quan về tài chính công 1.1. Khái niệm, đặc điểm của tài chính công 1.2. Vai trò của tài chính công 2. Ngân sách nhà nước 2.1. Khái niệm NSNN 2.2. Tổ chức hệ thống NSNN | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 89-98</i> | CĐR4,7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | - Tổ chức hệ thống NSNN tại Việt Nam hiện nay | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 89-98</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(4) | CĐR4, 11 |
| Tuần 9 | | | | |
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 2. Ngân sách nhà nước 2.3. Chi NSNN 2.4. Thu NSNN 2.5. Bội chi NSNN và nợ công | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 98-109</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2) | CĐR4, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | - Luật NSNN năm 2015 | 9.2. Tài liệu tham khảo số(4) | CĐR4, 11 |
| Tuần 10 | | | | |

| | | | | |
|-------------------------|---|--|---|--|
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | <p>3. Các quỹ Tài chính công ngoài NSNN</p> <p>3.1. Khái niệm và đặc trưng của các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách nhà nước</p> <p>3.2. Các nguyên tắc thiết lập quỹ tài chính công ngoài Ngân sách nhà nước</p> <p>3.3. Phân loại các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách nhà nước</p> | <p>9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 110-114</i></p> <p>Tài liệu tham khảo số(1), (2), (3)</p> | <p>CDR4, 7, 8, 9, 10, 11, 12</p> |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | <p>- Tìm hiểu các quỹ tài chính công ngoài NSNN tại Việt Nam</p> | <p>9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 110-114</i></p> | <p>CDR4, 11</p> |

Chương 4: Tài chính doanh nghiệp
Tuần 11

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|--|--|--|
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | <p>1. Tài chính doanh nghiệp và các quyết định tài chính doanh nghiệp</p> <p>1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp</p> <p>1.2. Mục tiêu của tài chính doanh nghiệp</p> <p>1.3. Quyết định tài chính của doanh nghiệp</p> <p>2. Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp</p> <p>2.1. Cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp</p> <p>2.2. Ưu nhược điểm của các kênh huy động vốn của doanh nghiệp</p> <p>3. Tài sản và cơ cấu tài sản của doanh nghiệp</p> | <p>9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 115-135</i></p> <p>9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2), (3)</p> | <p>CDR5, 7, 8, 9, 10, 11, 12</p> |

| | | | | |
|--------------------------------|---|---|---|------------------------------------|
| | | 3.1. Tài sản cố định 3.2. Tài sản lưu động | | |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | - Luật doanh nghiệp năm 2014 - Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 115-135</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2), (3), (5) | CĐR5, 11 |
| Tuần 12 | | | | |
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 4. Quản lý thu chi của doanh nghiệp 4.1. Chi phí sản xuất kinh doanh 4.2. Giá thành sản phẩm 4.3. Doanh thu 4.4. Lợi nhuận * Kiểm tra giữa kỳ | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 135-143</i> | CĐR5, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | - Tìm hiểu các khoản mục chi tiết trong báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp | 9.2 Tài liệu tham khảo số(3), (5) | CĐR5, 11 |

Chương 5: Các tổ chức tài chính trung gian

Tuần 13

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|---|---|------------------------------------|
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 1. Khái quát về các tổ chức tài chính trung gian 1.1 Khái niệm, đặc điểm của các tổ chức tài chính trung gian 1.2 Phân loại các tổ chức tài chính trung gian 1.3 Chức năng của các tổ chức tài chính trung gian 1.4 Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: <i>Trang 144-151</i> 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2), (3), | CĐR6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |

| | | | | |
|-----------------------|---|--|---|---------------------------|
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | - Hệ thống tài chính và các trung gian tài chính tại Việt Nam | 9.2. Tài liệu tham khảo số (3) | CDR6, 11 |
| Tuần 14 | | | | |
| Lý thuyết/Thực hành | 3 | 2. Ngân hàng thương mại và các ngân hàng trung gian khác 2.1. Ngân hàng thương mại 2.2. Các ngân hàng trung gian khác | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: Trang 151-167 9.2. Tài liệu tham khảo số(1), (2), (3) | CDR6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | - Tìm hiểu về hệ thống các ngân hàng tại Việt Nam | 9.2. Tài liệu tham khảo số(3), (6) | CDR6, 11 |
| Tuần 15 | | | | |
| Lý thuyết/Thực hành | 3 | 3. Các trung gian tài chính khác 3.1. Các công ty tài chính 3.2. Quỹ đầu tư 3.3. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng | 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: Trang 171-180 9.2. Tài liệu tham khảo số 9.2.1, 9.2.2 | CDR6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 6 | - Tìm hiểu về hoạt động của các công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư và các công ty tài chính tại Việt Nam | 9.2. Tài liệu tham khảo số (3) | CDR6, 11 |

TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

TS. Nguyễn Thị Bích Diệp

Ths. Nguyễn Thị Liên

Ths. Nguyễn Thị Liên